

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE  
376 ĐIỆN BIÊN PHỦ – Q.10 – TP.HCM



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **Quý II năm 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/04/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174,343,746,053</b>	<b>141,970,060,680</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14,103,398,834</b>	<b>22,117,846,049</b>
1. Tiền	111	V.1	13,103,398,834	21,617,846,049
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	500,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3,049,460,000</b>	<b>3,049,460,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,561,060,000	5,561,060,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,511,600,000)	(2,511,600,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99,229,576,362</b>	<b>62,834,520,234</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	40,929,671,487	18,462,332,192
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2,979,166,779	2,025,907,259
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	58,565,738,096	45,591,280,783
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(3,245,000,000)	(3,245,000,000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>53,571,071,853</b>	<b>50,396,905,698</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55,970,639,684	52,796,473,529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(2,399,567,831)	(2,399,567,831)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,390,239,004</b>	<b>3,571,328,699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	95,217,227	57,668,143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,498,059,769	3,039,210,556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		429,725,008	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	367,237,000	474,450,000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133,875,695,182</b>	<b>144,174,393,695</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

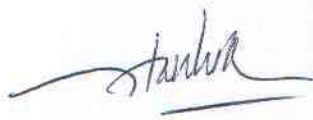
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28,963,334,875</b>	<b>29,542,707,913</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10,539,943,067	10,748,315,650
<i>Nguyên giá</i>	222		19,208,905,378	19,180,303,562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,668,962,311)	(8,431,987,912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	18,268,379,189	18,358,065,899
<i>Nguyên giá</i>	228		18,912,163,156	18,912,163,156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643,783,967)	(554,097,257)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	155,012,619	436,326,364
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>13,052,760,255</b>	<b>13,121,104,707</b>
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	13,668,890,643	13,668,890,643
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(616,130,388)	(547,785,936)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>91,489,839,225</b>	<b>100,735,539,225</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	4,665,323,777	3,962,523,777
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	58,715,056,000	68,663,556,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	29,549,459,448	29,549,459,448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1,440,000,000)	(1,440,000,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>369,760,827</b>	<b>775,041,850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	369,760,827	775,041,850
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>308,219,441,235</u></b>	<b><u>286,144,454,375</u></b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/04/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>92,036,787,594</b>	<b>74,132,898,104</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91,939,883,808</b>	<b>74,035,994,318</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	43,858,822,700	21,890,808,500
2. Phải trả người bán	312	V.22	13,142,755,559	6,421,274,155
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	45,378,023	11,149,457,946
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	1,548,741,869	4,026,345,907
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	33,536,303,485	30,439,414,288
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(192,117,828)	108,693,522

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>96,903,786</b>	<b>96,903,786</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	96,903,786	96,903,786
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>216,182,653,641</b>	<b>212,011,556,271</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>216,182,653,641</b>	<b>212,011,556,271</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	95,699,000,000	95,699,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	90,216,000,652	90,216,000,652
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	9,206,202,021	9,206,202,021
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	21,061,450,968	16,890,353,598
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>308,219,441,235</b>	<b>286,144,454,375</b>

Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa

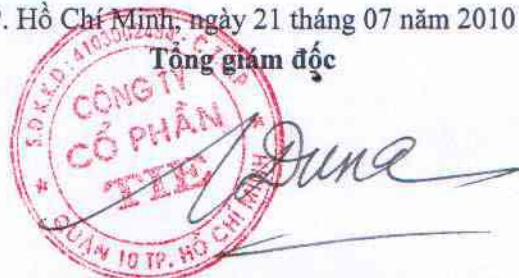
Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc



Huỳnh Thị Dung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2010

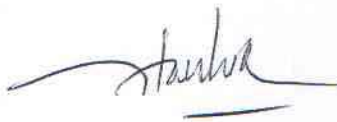
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92,395,624,581	74,172,493,554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		313,337,614	585,313,935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92,082,286,967	73,587,179,619
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89,901,285,030	66,921,551,907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,181,001,937	6,665,627,712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,887,111,019	7,288,379,842
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11,100,643,807	291,734,964
Trong đó: chi phí lãi vay	23		948,697,263	17,247,026
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2,642,087,984	2,629,061,013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,106,129,144	2,208,849,705
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,219,252,021	8,824,361,872
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7,033,879,792	2,234,730,210
12. Chi phí khác	32	VI.8	17,951,401	2,714
13. Lợi nhuận khác	40		7,015,928,391	2,234,727,496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,235,180,412	11,059,089,368
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,297,666,978	1,399,546,121
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,937,513,434	9,659,543,247
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP-Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc



Hà Hạnh Hoa



Phạm Thúy Oanh



Huỳnh Thị Dung

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2010

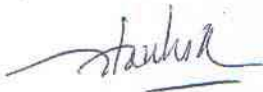
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81,553,474,156
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(103,505,874,478)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,585,804,268)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(948,697,263)
6. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,462,654,673)
7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10,912,805,911
8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,088,796,146)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><u>(23,125,546,761)</u></u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(108,243,286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(776,750,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		143,808,632
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><u>(241,184,654)</u></u>

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56,911,644,660
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34,943,630,460)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,615,730,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b><u>15,352,284,200</u></b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(8,014,447,215)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>22,117,846,049</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b><u>14,103,398,834</u></b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Huỳnh Thị Dung

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

---

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2010

## I. L. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán**  
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/04/2010 đến ngày 30/06/2010
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc  
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

---

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### 7. Tài sản cố định vô hình

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 10 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

---

#### ***Bản quyền***

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

#### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

#### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa đánh giá lại các cổ phiếu theo giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2010.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### ***Tiền thiết kế các quầy kệ bán hàng tại khu vực sân bay***

Khoản chi phí làm các quầy kệ tại khu vực sân bay, chi phí này được phân bổ trong thời gian 56 tháng.

#### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

#### **12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc để đảm bảo chi trả cho các nhân viên trong thời gian làm việc tại Công ty đến 31/12/2008. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Tiền mặt	266,000,630	140,287,524
Tiền gửi ngân hàng	12,837,398,204	21,477,558,525
Các khoản tương đương tiền	1,000,000,000	500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>14,103,398,834</b>	<b>22,117,846,049</b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5,561,060,000	5,561,060,000

	<u>Số lượng CP</u>	<u>Mệnh giá</u>	<u>Tổng giá trị đầu tư</u>
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	15,000	10,000	1,872,000,000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	6	10,000	60,000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	6,000	10,000	828,000,000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	70,000	10,000	1,881,000,000
Cty CP CK Đại Việt	20,000	10,000	980,000,000
<b>Cộng</b>			<b>5,561,060,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2,511,600,000)	(2,511,600,000)

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	40,546,963,731	17,846,624,186
Cty TNHH Lê Phụng	376,235,283	568,925,250
Cty TNHH DV Tin Học Ngọc Hà	9,762,355,677	358,380,316
Công ty TNHH TM Nguyễn Khang	9,345,823,807	3,806,506,193
Cty TNHH Khu Mua Sắm Đệ Nhất Phan Khang	2,413,881,774	2,772,571,318
Cty TNHH DV Thịnh Tiến	7,449,351,536	1,854,147,914
Cty TNHH Phụng Vi	8,866,513,375	367,988,314
Thales Communications	524,660,624	524,376,134
Các khách hàng khác	1,808,141,655	7,593,728,747
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	6,456,000	3,952,000
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	222,609,932	611,756,006
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ</i>	153,641,824	-
<b>Cộng</b>	<b>40,929,671,487</b>	<b>18,462,332,192</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	2,803,666,779	1,995,907,259
Công ty TNHH Vĩnh Định	16,236,900	38,280,900
Cty TNHH Applied Technology Precision	123,132,141	160,318,191
Velk Trading Corporation	376,238,000	364,321,040
Moldie Industrial Limited	1,157,590,028	1,157,590,028
Trả trước cho người bán khác	1,130,469,710	275,397,100
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	175,500,000	30,000,000
<b>Cộng</b>	<b>2,979,166,779</b>	<b>2,025,907,259</b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	32,000,000,000	27,000,000,000
Dự án Hand Power Tools	170,114,467	15,250,000
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	16,922,921,744	10,254,881,843
Tài khoản Công ty CK Ngân hàng Đông Á	56,833,200	512,165,403
Thù lao của HĐQT	357,150,582	242,700,583
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(* )	3,210,000,000	3,210,000,000
Khoản vốn góp của TIE vào dự án cao ốc 376 ĐBP	5,510,000,000	4,060,000,000
Các khoản phải thu khác	338,718,103	296,282,954
<b>Cộng</b>	<b>58,565,738,096</b>	<b>45,591,280,783</b>

(\*) Khoản phải thu Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi***Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán*

Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ  
 Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT  
**Cộng**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
	(35,000,000)	(35,000,000)
	<u>(3,210,000,000)</u>	<u>(3,210,000,000)</u>
	<b>(3,245,000,000)</b>	<b>(3,245,000,000)</b>

**8. Hàng tồn kho**

Hàng mua đang đi trên đường  
 Nguyên liệu, vật liệu  
 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang  
 Thành phẩm  
 Hàng hóa  
**Cộng**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
	229,965,450	392,518,527
	160,629,265	159,230,586
	47,199,037	46,715,104
	137,937,759	205,449,471
	<u>55,394,908,173</u>	<u>51,992,559,841</u>
	<b>55,970,639,684</b>	<b>52,796,473,529</b>

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Hàng hóa

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
	<u>(2,399,567,831)</u>	<u>(2,399,567,831)</u>

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

*Văn phòng Công ty*  
 Chi phí trả trước  
 Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh  
*Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc*  
**Cộng**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
	73,381,139	37,203,703
	1,381,139	4,476,431
	72,000,000	32,727,272
	<u>21,836,088</u>	<u>20,464,440</u>
	<b>95,217,227</b>	<b>57,668,143</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng - Văn phòng Công ty  
 Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn  
**Cộng**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
	102,237,000	209,450,000
	<u>265,000,000</u>	<u>265,000,000</u>
	<b>367,237,000</b>	<b>474,450,000</b>

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
1. Số đầu kỳ	14,031,818,843	1,636,291,433	2,766,437,802	745,755,484	<b>19,180,303,562</b>
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	28,601,816	28,601,816
<i>Trong đó</i>	-	-	-	28,601,816	28,601,816
<i>Mua mới</i>	-	-	-	28,601,816	28,601,816
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	<u>14,031,818,843</u>	<u>1,636,291,433</u>	<u>2,766,437,802</u>	<u>774,357,300</u>	<b>19,208,905,378</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Trong đó: Đã  
khấu hao hết  
nhưng vẫn còn  
sử dụng

812,280,210	1,553,840,341	166,000,000	153,725,037	2,685,845,588
-------------	---------------	-------------	-------------	---------------

- Nguyên giá TSCD cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.685.845.588 đồng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu kỳ	5,354,205,041	1,587,604,923	1,050,534,474	439,643,474	8,431,987,912
Tăng trong kỳ	132,506,742	3,791,388	65,010,948	35,665,321	236,974,399
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5,486,711,783	1,591,396,311	1,115,545,422	475,308,795	8,668,962,311

**Giá trị còn lại**

Số đầu kỳ	8,677,613,802	48,686,510	1,715,903,328	306,112,010	10,748,315,650
Số cuối kỳ	8,545,107,060	44,895,122	1,650,892,380	299,048,505	10,539,943,067

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	858,492,840	18,053,670,316	18,912,163,156
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858,492,840	18,053,670,316	18,912,163,156
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	235,716,775	318,380,482	554,097,257
Tăng trong kỳ	21,462,321	68,224,389	89,686,710
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	257,179,096	386,604,871	643,783,967
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	622,776,065	17,735,289,834	18,358,065,899
Số cuối kỳ	601,313,744	17,667,065,445	18,268,379,189

Quyền sử dụng thửa đất ở xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 38.887,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất đến ngày 14 tháng 08 năm 2058

Quyền sử dụng thửa đất ở đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với diện tích 173,3 m<sup>2</sup>.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2010	01/04/2010
XDCB dở dang		
- Dự án 376 ĐBP	48,367,364	436,326,364
- Văn phòng 52 Thành Thái	106,645,255	-
<b>Cộng</b>	<b>155,012,619</b>	<b>436,326,364</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

<b>Khu đất Phú Quốc</b>	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nguyên giá	13,668,890,643		13,668,890,643
Giá trị hao mòn	547,785,936	68,344,452	616,130,388
Giá trị còn lại	13,121,104,707	-	13,052,760,255

Quyền sử dụng thửa đất đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

**16. Đầu tư vào công ty con**

<b>Tên công ty con</b>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Số vốn góp đến cuối kỳ</u>
Cty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam (PTV)	49%	49%	4,665,323,777

**17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<b>Tên công ty liên kết, liên doanh</b>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (cuối kỳ)</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (đầu kỳ)</u>	
		<b>30/06/2010</b>	<b>01/04/2010</b>
- Công ty Điện tử Samsung Vina	20%	53,665,056,000	53,665,056,000
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay	11%	5,050,000,000	14,998,500,000
<b>Cộng</b>		<b>58,715,056,000</b>	<b>68,663,556,000</b>

Góp vốn liên doanh vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m<sup>2</sup> đất tại xã Linh Trung, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3,492,000 USD hay 53.665.056.000 đồng (chiếm 20% vốn pháp định) trong vòng 20 năm kể từ năm 1995.

Trong kỳ, TIE đã bán 985.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay với giá 11.900 đồng/cổ phiếu.

**18. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		
- Saigon Postel (SPT)	8,674,710,000	8,674,710,000
- Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	603,120,000	603,120,000
- Ngân hàng Eximbank	12,946,629,448	12,946,629,448
- Cty Cp văn hóa Tân Bình	2,325,000,000	2,325,000,000
- Cty BĐS Rovian	5,000,000,000	5,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>29,549,459,448</b>	<b>29,549,459,448</b>

**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(1,440,000,000)	(1,440,000,000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****20. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2010	01/04/2010
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>316,902,232</i>	<i>529,373,170</i>
Cửa hàng miễn thuế Nasco	66,598,440	99,897,660
Thuê nhà, thuê kho tại các chi nhánh	88,276,800	231,192,000
Bảo hiểm cháy nổ	21,248,182	-
Chi phí bảo trì phần mềm Lemon3	11,884,000	29,710,000
Chi phí cải tạo VP 376, 912 ĐBP	81,912,283	124,922,829
Chi phí in lịch	14,349,999	21,524,999
Chi phí đồng phục	-	12,910,921
Chi phí dịch vụ pháp lý	-	-
Chi phí phần mềm virus Kaspersky	31,155,861	-
Chi phí phân bổ CCDC dài hạn	1,476,667	9,214,761
<i>Chi nhánh Cần Thơ</i>	<i>31,339,665</i>	<i>43,134,890</i>
<i>Chi nhánh Phú Quốc</i>	<i>21,518,930</i>	<i>202,533,790</i>
<b>Cộng</b>	<b>369,760,827</b>	<b>775,041,850</b>

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2010	01/04/2010
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	43,858,822,700	21,890,808,500

Công ty vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2010 thông qua hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10.773001/HĐTDHM ngày 02 tháng 01 năm 2010. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ (bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu kỳ (01/04/2010)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2010)
Vay ngắn hạn - VND	21,890,808,500	56,911,644,660		(34,943,630,460)	43,858,822,700
Vay ngắn hạn - USD	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21,890,808,500</b>	<b>56,911,644,660</b>	<b>0</b>	<b>(34,943,630,460)</b>	<b>43,858,822,700</b>

**22. Phải trả người bán**

	30/06/2010	01/04/2010
Công ty Điện tử Samsung Vina	12,719,025,847	5,236,101,064
Cty Young In Electronic	389,427,946	389,427,946
Phải trả các nhà cung cấp khác	25,619,766	699,896,145
Chi nhánh Phú Quốc	8,682,000	95,849,000
<b>Cộng</b>	<b>13,142,755,559</b>	<b>6,421,274,155</b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2010	01/04/2010
Văn phòng Công ty	45,378,023	11,149,457,946
<b>Cộng</b>	<b>45,378,023</b>	<b>11,149,457,946</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ (30/06/2010)	Số đầu kỳ (01/04/2010)
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	54,528,200	52,077,531
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	29,927,514	131,113,631
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	967,070	5,814,877
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,418,209,148	3,577,018,865
- Thuế thu nhập cá nhân	45,109,937	45,458,507
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	(429,725,008)	214,862,496
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,119,016,861</b>	<b>4,026,345,907</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ thuế. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Doanh thu bán hàng trong nước	
+ Mãn hình vi tính, tiền bảo hành, Máy tính tiền, Máy chiếu ..	10%
- Doanh thu xuất khẩu	0%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.14.

Năm 2010 là năm kinh doanh thứ 7 và có lợi nhuận kể từ khi Công ty chuyển sang hình thức doanh nghiệp cổ phần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,235,180,412	11,059,089,368
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5,044,512,500)	(3,061,682,960)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	5,044,512,500	3,061,682,960
Tổng thu nhập chịu thuế	5,190,667,912	7,997,406,408
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1,297,666,978</b>	<b>1,999,351,602</b>
<b>Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết CP số 30/2008</b>	<b>-</b>	<b>599,805,481</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1,297,666,978</b>	<b>1,399,546,121</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Bảo hiểm xã hội	10,889,425	-
Kinh phí công đoàn	44,086,055	44,599,166
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13,365,465,000	15,196,355,000
Đối tác ATP	754,451,559	828,401,559
Cty CP Bất động sản EXIM	13,490,000,000	9,940,000,000
Cty CP TIE _ Vốn góp vào dự án cao ốc 376 ĐBP	5,510,000,000	4,060,000,000
Các khoản phải trả khác	361,111,446	369,953,563
Các khoản phải trả khác của chi nhánh Phú Quốc	300,000	105,000
<b>Cộng</b>	<b>33,536,303,485</b>	<b>30,439,414,288</b>

**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/04/2010</u>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	96,903,786	96,903,786

**27. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
Số đầu năm nay	95,699,000,000	90,216,000,652	9,206,202,021	16,890,353,598
Số cuối kỳ	95,699,000,000	90,216,000,652	9,206,202,021	21,061,450,968

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66,990,000,000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28,709,000,000	30%
<b>Cộng</b>	<b>95,699,000,000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,569,900	9,569,900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9,569,900	9,569,900
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9,569,900	9,569,900
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92,395,624,581</b>	<b>74,172,493,554</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	86,116,420,470	69,001,837,538
- Doanh thu bán thành phẩm	824,974,611	1,754,703,857
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48,296,365	157,360,650
- Doanh thu khác	16,363,637	-
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	3,573,231,649	2,965,996,647
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	1,154,744,365	292,594,862
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	661,593,484	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	313,337,614	585,313,935
- Hàng bán bị trả lại	313,337,614	585,313,935
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>92,082,286,967</b>	<b>73,587,179,619</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	463,978,032	705,444,305
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	85,027,261,870	63,840,654,090
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	2,746,964,460	2,160,063,575
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	1,033,799,799	215,389,937
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	629,280,869	-
<b>Cộng</b>	<b>89,901,285,030</b>	<b>66,921,551,907</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
Lãi tiền gửi	72,432,319	504,140,371
Lãi đầu tư cổ phiếu	48,666,200	3,642,687,000
Lợi nhuận được chia	5,000,000,000	2,300,000,000
Cổ tức	44,512,500	836,682,960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4,869,511
Thu được từ bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	11,721,500,000	-
<b>Cộng</b>	<b>16,887,111,019</b>	<b>7,288,379,842</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý II năm 2010</u>	<u>Quý II năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	948,697,263	17,247,026
Lỗ do bán chứng khoán	-	36,200,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203,446,544	217,733,763
Giá vốn từ việc bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	9,948,500,000	-
Chi phí khác	-	20,554,175
<b>Cộng</b>	<b>11,100,643,807</b>	<b>291,734,964</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II năm 2010</u>	<u>Quý II năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	1,103,113,367	993,620,607
Chi phí công cụ, dụng cụ	3,034,627	2,376,750
Chi phí dụng cụ bán hàng	28,733,405	21,931,614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148,370,905	162,559,228
Chi phí bảo hành	25,021,677	6,310,571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878,307,249	725,103,510
Chi phí khác	455,506,754	717,158,733
<b>Cộng</b>	<b>2,642,087,984</b>	<b>2,629,061,013</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II năm 2010</u>	<u>Quý II năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	1,094,842,596	999,879,648
Chi phí vật liệu quản lý	29,338,457	27,419,585
Chi phí đồ dùng văn phòng	26,726,584	72,708,495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246,634,656	241,211,841
Thuế, phí và lệ phí	19,378,999	18,687,001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197,941,710	419,857,470
Chi phí khác	491,266,142	429,085,665
<b>Cộng</b>	<b>2,106,129,144</b>	<b>2,208,849,705</b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Quý II năm 2010</u>	<u>Quý II năm 2009</u>
Thu khác	12,807,713	68,364
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2,021,072,079	2,231,125,846
Thu hỗ trợ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	5,000,000,000	-
Thu hỗ trợ khác	-	3,536,000
<b>Cộng</b>	<b>7,033,879,792</b>	<b>2,234,730,210</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 8. Chi phí khác

	<u>Quý II năm 2010</u>	<u>Quý II năm 2009</u>
Nộp phạt thuế	17,951,159	-
Chi phí khác	242	2,714
<b>Cộng</b>	<b>17,951,401</b>	<b>2,714</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### Thay đổi chính sách kế toán

Theo thông tư số 244/2009/BTC-TT ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Việc áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính Quý I.

Điều chỉnh số liệu so sánh của năm trước như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</i>	<i>Số liệu điều chỉnh lại</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	4,524,755,015
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	4,524,755,015	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Hà Hạnh Hoa

Phạm Thúy Oanh

Huỳnh Thị Dung